

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH04226**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454802030379	Nguyễn Đỗ Đức	Anh	23/04/2009			5	5.0	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0
2	2454802030380	Huỳnh Chí	Bảo	24/10/2009			9	9.0	9.0	10.0	10.0		8.4		8.8
3	2454802030382	Đỗ Thị Yển	Bình	04/07/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
4	2454802030383	Lê Nguyễn Thảo	Duy	10/10/2009			8	7.5	0.0	0.0	0.0		CT		1.0
5	2454802030384	Nguyễn Hoàng	Duy	07/03/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
6	2454802030385	Lê Hoàng	Đạt	31/07/2009			7	9.0	5.0	8.0	6.0		7.6		7.4
7	2454802030386	Lương Văn	Đạt	18/02/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
8	2454802030387	Dương Nhật	Hào	03/08/2009			7	4.0	6.0	5.0	5.0		5.2		5.2
9	2454802030388	Lê Hoàng	Khang	15/09/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
10	2454802030389	Nguyễn Trí	Khang	11/06/2009			9	9.0	5.0	7.0	5.0		5.0		5.7
11	2454802030390	Lê Đăng	Khoa	13/09/2008			5	9.0	4.0	8.0	6.0		6.6		6.6
12	2454802030391	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	01/06/2009			7.5	7.0	5.0	4.0	4.0		7.6		6.7
13	2454802030392	Nguyễn Cao	Kỳ	27/11/2009			5	8.0	5.0	4.0	5.0		5.0		5.2
14	2454802030393	Bùi Thị Tường	Lam	25/10/2009			8	7.0	5.0	7.0	5.0		5.2		5.6
15	2454802030394	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Lam	05/10/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
16	2454802030396	Nguyễn Hoàng	Nam	03/01/2009			8	9.0	5.0	8.0	6.0		3.2		4.8
17	2454802030398	Lê Yển	Nghi	27/03/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
18	2454802030399	Đoàn Phú	Nghĩa	30/04/2009			5	9.0	9.0	6.0	7.0		0.0		3.0
19	2454802030400	Nguyễn Hữu	Nghĩa	07/10/2009			9	8.0	7.0	8.0	6.0		6.4		6.8
20	2454802030401	Nguyễn Minh	Nghĩa	26/10/2003			9.5	9.0	9.0	8.0	10.0		9.0		9.0
21	2454802030402	Nguyễn Hoàn Mỹ	Ngọc	26/06/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
22	2454802030403	Nguyễn Hoàng Khánh	Ngọc	18/11/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
23	2454802030404	Huỳnh Thị Thúy	Nhung	01/05/2009			9	9.5	7.0	9.0	6.0		7.0		7.4
24	2454802030405	Đặng Trọng	Phúc	30/08/2009			9	9.0	7.0	9.0	5.0		7.6		7.6
25	2454802030406	Lê Minh	Sang	02/10/2009			5	8.0	3.0	5.0	4.0		5.2		5.1
26	2454802030407	Dương Văn	Thái	06/02/2009			5	6.0	4.0	8.0	4.0		7.6		6.7
27	2454802030408	Mai Nguyễn Hoàng	Thái	20/10/2009			6	6.0	3.0	8.0	4.0		5.0		5.1
28	2454802030409	Huỳnh Quốc	Thanh	10/11/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
29	2454802030410	Đỗ Phúc	Toàn	05/05/2009			5	5.0	5.0	5.0	5.0		3.0		3.8
30	2454802030411	Huỳnh Minh	Trí	04/07/2009			7	6.0	5.0	7.0	6.0		3.2		4.4
31	2454802030412	Lê Quang	Trường	28/09/2008			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
32	2454802030413	Lê Anh	Tuấn	29/09/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
33	2454802030414	Lê Công	Vinh	11/12/2009			9.5	10.0	9.0	10.0	10.0		8.6		9.0
34	2454802030415	Lê Quang	Vinh	01/01/2009			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
35	2454802030416	Lê Thị Kim	Yển	27/01/2008			0	0.0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 1 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Mỹ Thanh